

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2/- Bà Mai Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương -là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tô Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 7 Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

-*Bị đơn:* Anh Võ Văn C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 10, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 22/6/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C sống chung với nhau vào năm 2008, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào ngày 8/02/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C hay đi nhậu nhẹt về đánh đập chị. Quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận nên đến năm 2013 thì chị và anh C đã sống ly thân cho đến nay, nay anh C đã có vợ khác và đã có con nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Võ Hoàng T, sinh ngày 25/12/2009, hiện cháu T đang sống với anh C. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị xin cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu, cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn C: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L, cho chị L được ly hôn với anh Võ Văn C; Anh C được tiếp tục nuôi con chung, công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị L; Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn C là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Võ Văn C chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 tại UBND xã B, Huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L và anh C chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C hay đi nhậu về đánh đập chị dẫn đến tình cảm không còn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, hiện nay anh C đã có vợ khác và đã có con, tại phiên tòa chị L cương quyết xin được ly hôn; Về phía anh C thì qua 2 lần mời hòa giải tại tòa anh đều vắng mặt không có lý do, cán bộ Tòa án có đến tận nhà để ghi lời khai nhưng anh C đều không có mặt tại nhà để cung cấp lời khai. Xét thấy suốt thời gian ly thân hai bên cũng không có tạo điều kiện để hàn gắn lại quan hệ tình cảm, anh chị ly thân nhiều năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung tên Võ Hoàng T, sinh ngày

25/12/2009. Hiện cháu T đang sống với anh C. Khi ly hôn, chị L đồng ý để cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu T sống với anh C và tại bản tự khai ngày 22/9/2020 cháu T có nguyện vọng sống với cha. Do đó nghĩ nên để anh C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Do đó nghĩ nên công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L.

Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Võ Văn C. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 8/02/2011 của Ủy ban nhân dân Xã B, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Võ Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoàng T, sinh ngày 25/12/2009. Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu, cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2020 do anh Võ Văn C đại diện nhận. Dành quyền tới lui thăm con chung cho chị L.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007028 ngày 13/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Về kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Võ Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa